TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/ DSST
Ngày 10-8-2022
V/v Tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Trần Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh
2. Bà Kiều Việt Phương

Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương- Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/ 2022/TLST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST - DS ngày 06/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 485/2022/ QĐST- DS ngày 22/7/2022 của Toà án nhân dân huyện A, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1967
Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi
Đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: Anh Võ Văn N, sinh năm 1979 và chị Lâm Ngọc Ánh NG, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Y (thôn U cũ), xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Võ Văn L trình bày:

Từ năm 2015 đến tháng 11 năm 2016, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG mua thức ăn chăn nuôi (cám nuôi heo, nuôi ếch) của ông, đến ngày 05/11/2016 hai bên có tính toán nợ, chốt sổ thì anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG còn nợ của ông số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 258.240.000đồng, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG đã viết "Giấy hẹn nợ", hẹn đến ngày 16/01/2017 âm lịch sẽ trả đủ số tiền nợ nêu trên cho ông. Nhưng đến hẹn anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG không trả đủ tiền nợ cho ông. Đến ngày 08/8/2017 anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG trả cho ông số tiền 50.000.000đồng và đến ngày 12/9/2017 anh

Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG trả 20.000.000đồng. Như vậy, tính đến ngày 12/9/2017 anh N và chị NG còn nợ của ông là 188.240.000đồng, ông đồng ý bớt cho anh N, chị NG số lẻ là 240.000đồng, do đó anh N và chị NG còn nợ của ông 188.000.000đồng và anh N, chị NG đã xác nhận còn nợ của ông số tiền 188.000.000đồng. Kể từ đó đến nay ông đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh N, chị NG đều trốn tránh không gặp mặt ông.

Vì vậy, nay ông yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 188.000.000đồng, ông không yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải trả tiền lãi.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện A đã nhiều lần tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG, nhưng anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG đều vắng mặt không có lý do, nên không có lời khai và không hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 429, Điều 430, Điều, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải trả cho ông Võ Văn L số tiền là 188.000.000đồng. Về án phí: Anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"; Tại Biên bản xác minh Công an xã P cung cấp thông tin bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG vẫn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Thôn Y (thôn U cũ), xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG không có mặt tại địa phương từ nhiều tháng nay, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG đi đâu, làm gì địa phương không rõ, anh N và chị NG chưa chuyển hộ khẩu đến địa phương khác, vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng : Trong thời gian mua tài sản của ông L và trong "Giấy hẹn nợ" anh Võ Văn N, chị Lâm Ngọc Ánh NG ghi địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu là Thôn U, xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay anh N và chị NG vẫn còn đăng ký hộ khẩu, tại Thôn U (nay đổi thành thôn Y), xã P, huyện A, tỉnh Quảng Ngãi, do đó đơn khởi kiện, ông Võ Văn L đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì "Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới".

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án tối cao quy định: " a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"

Bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG đã bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho ông Võ Văn L biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án tối cao quy định thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, vì vậy vụ án sẽ được xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa ngày 22/7/2022, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 10/8/2022, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG vắng mặt, nguyên đơn ông Võ Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Võ Văn L và bị đơn anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG.

[3] Về nội dung: Ông Võ Văn L cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính "Giấy hẹn nợ" có tên người viết và ký giấy hẹn nợ là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG. Ông Võ Văn L cũng đã thực hiện việc gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG qua đường bưu chính, Tòa án cũng đã thực hiện niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ở, Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của anh Võ Văn N, chị Lâm Ngọc Ánh NG và tại Tòa án, nhưng anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn N, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình.

"Giấy hẹn nợ" có tên người viết và ký giấy hẹn nợ là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG hẹn ngày 16/01/2017 trả hết nợ, nhưng anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG chưa trả hết nợ nên ông Võ Văn L khởi kiện yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải có nghĩa vụ trả số tiền 188.000.000đồng còn nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông Võ Văn L không yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải trả tiền lãi do chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Võ Văn L, buộc bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải trả cho ông Võ Văn L số tiền là 188.000.000đồng *(Một trăm tám mươi tám triệu đồng)*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh NG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.400.000đồng.

- Ông Võ Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Võ Văn L số tiền 4.700.000đồng mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001149 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niê cm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình